

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM  
(MECO JSC)

..... @ .....

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## HỢP NHẤT

### QUÝ 2 NĂM 2021

Báo cáo gồm có:

- 1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất – Mẫu số B01-DN*
- 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất – Mẫu số B02-DN*
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất – Mẫu số B03-DN*
- 4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất – Mẫu số B09-DN*

HÀ NỘI – 2021



**CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM (MECO JSC)**

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của BTC)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>657,406,268,354</b>	<b>663,673,801,498</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>7,871,069,440</b>	<b>1,820,363,311</b>
1. Tiền	111	V.01	7,871,069,440	1.820.363.311
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>2,576,237,860</b>	<b>710,823,067</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		237,860	710,823,067
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2,576,000,000	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>512,649,411,874</b>	<b>508,685,305,759</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	272,488,244,832	256,752,424,570
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		44,235,707,523	41,983,476,238
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	326,141,128,079	340,165,073,511
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(130,479,674,622)	(130,479,674,622)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	264,006,062	264,006.062
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>130,165,039,807</b>	<b>146,017,603,893</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.07	208,814,313,027	211,547.420.272
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(78,649,273,220)	(65,529,816,379)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4,144,509,373</b>	<b>6,439,705,468</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	36,456,922	46,535,832
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4,107,121,230	6.392.238.415
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		931,221	931.221
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>320,877,559,943</b>	<b>333,496,842,226</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>677,234,990</b>	
1. Phải thu dài hạn khác	216		677,234,990	
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13,612,199,700</b>	<b>16,342,883,629</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	13,612,199,700	16,342,883,629
- Nguyên giá	222		108,649,725,849	114,184,353,259
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(95,037,526,149)	(97,841,469,630)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>104,701,081,986</b>	<b>106,101,801,634</b>
- Nguyên giá	231		132,036,029,974	132.036.029.974
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(27,334,947,988)	(25,934,228,340)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.08</b>	<b>7,102,399,687</b>	<b>7,102,399,687</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7,102,399,687	7,102,399,687
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>194,349,281,723</b>	<b>203,578,752,549</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		188,057,811,723	197,287,282,549
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9,891,470,000	9.891.470.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(3,600,000,000)	(3,600,000,000)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>435,361,857</b>	<b>371,004,727</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10		1.068,180
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		435,361,857	369,936,547
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>978,283,828,297</b>	<b>997,170,643,724</b>

**CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM (MECO JSC)**Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội  
Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của BTC)**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>753,805,713,890</b>	<b>757,152,369,897</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>530,160,408,819</b>	<b>525,877,064,826</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	210,885,331,056	210,131,460,107
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		82,425,180,715	86,104,736,246
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	31,698,517,807	38,657,718,281
4. Phải trả người lao động	314		2,479,659,806	2,485,510,833
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	77,806,138,038	55,168,407,624
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	108,642,799,687	108,238,316,449
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	8,192,511,177	16,740,434,753
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8,030,270,533	8,350,480,533
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>223,645,305,071</b>	<b>231,275,305,071</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		215,000,000,000	215,000,000,000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	8,645,305,071	15,725,305,071
3. Trái phiếu chuyển đổi	339			550,000,000
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>224,478,114,407</b>	<b>240,018,273,827</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>224,478,114,407</b>	<b>240,018,273,827</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		575,100,000,000	575,100,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575,100,000,000	575,100,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32,960,749,348	32,960,749,348
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(73,426,398,513)	(73,426,398,513)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		28,817,258,755	28,817,258,755
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(346,279,256,407)	(330,695,802,816)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(330,578,835,925)	(330,695,802,816)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(15,700,420,482)	
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		7,305,761,224	7,262,467,053
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>978,283,828,297</b>	<b>997,170,643,724</b>

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

NGUYỄN NGỌC BÌNH

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý 2 năm 2021

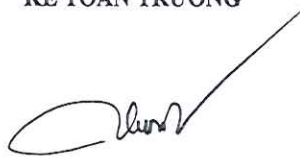
Chỉ tiêu	Mã số	TM	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	74,135,849,373	22,976,426,288	91,291,773,396	43,451,397,432
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		74,135,849,373	22,976,426,288	91,291,773,396	43,451,397,432
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	83,118,570,682	17,363,182,685	97,936,317,896	34,148,508,726
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(8,982,721,309)	5,613,243,603	(6,644,544,500)	9,302,888,706
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	878,404,459	440,863,727	1,259,494,849	856,292,628
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	851,933,969	3,371,436,054	348,054,720	4,913,341,708
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		247,896,069	3,659,019,970	344,927,389	4,734,632,928
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, LD	24		(2,707,029,308)	-	(4,129,141,163)	
9. Chi phí bán hàng	25	VI.08	-	-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	2,071,791,918	2,253,582,939	3,768,225,798	4,337,936,976
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(13,735,072,045)	429,088,337	(13,630,471,332)	907,902,650
12. Thu nhập khác	31	VI.06	77,389,319	61,463,522	136,506,717	133,655,712
13. Chi phí khác	32	VI.07	2,169,672,943	966,837,072	2,184,672,943	966,837,072
14. Lợi nhuận khác	40		(2,092,283,624)	(905,373,550)	(2,048,166,226)	(833,181,360)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(15,827,355,669)	(476,285,213)	(15,678,637,558)	74,721,290
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-	-	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(138,478,138)	(135,303,032)	(138,478,138)	(135,303,032)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(15,688,877,531)	(340,982,181)	(15,540,159,420)	210,024,322
19. LN sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(15,700,420,482)	(166,386,111)	(15,583,453,591)	652,454,982
20. LN sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		11,542,951	(174,596,070)	43,294,171	(442,430,660)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(302)	(3)	(299)	13
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2021  
CHỦ TỊCH HĐQT  
CÔNG TY  
CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG  
VIỆT NAM  
NGUYỄN NGỌC BÌNH



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Quý 2 năm 2021

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	LƯU KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
<b>I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(15,678,637,558)	74,721,290
2. Điều chỉnh cho các khoản			16,794,715,389	6,915,541,865
- Khấu hao TSCĐ	02		2,620,918,402	2.614.505.718
- Các khoản dự phòng	03		13,119,456,841	(63.860.809)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(124,754,015)	88.708,149
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		834,166,772	(458.444.121)
- Chi phí lãi vay	06		344,927,389	4,734,632,928
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1,116,077,831	6,990,263,155
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2,326,465,263)	12.401.756.046
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		2,733,107,245	(10.580.395.449)
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		21,929,577,338	12.153.373.754
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		11,147,090	36.543.404
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		710,585,207	(113.932.320)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(912,089,297)	(34.028,291.366)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8,042,889,675)	(194.899.874)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(320,210,000)	(361,650,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		14,898,840,476	(13,697,232,650)
<b>II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(36,354,545)	(23,943.004.989)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		301,363,637	
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16,601,526,778)	(933.041.096)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		14,025,526,778	
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9,439,832,826	
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		200,947,311	458.444.121
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		7,329,789,229	(24,417,601,964)
<b>III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
- Tiền thu từ đi vay	33		27,020,000,000	58.033.646.892
- Tiền trả nợ gốc vay	34		(43,197,923,576)	(13.359.983.346)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		(16,177,923,576)	44,673,663,546
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	50		6,050,706,129	6,558,828,932
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,820,363,311	4,271,078,526
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			(15.879)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	70		7,871,069,440	10,829,891,579

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2021



NGUYỄN NGỌC BÌNH

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Quý 2 năm 2021**

### **I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, dịch vụ, sản xuất
- 3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Về cơ khí và điện: chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyền chế biến nông sản: cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phục vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m<sup>3</sup>/h; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
- Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng công trình thủy lợi: hồ đập, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường; Chế tạo vỏ bọc che công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
- Về thương mại và dịch vụ: kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ Hóa chất Nhà nước cấm) và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực, thực phẩm và nông lâm sản; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gương, kính, ván nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lễ hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
- Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát, thăm dò và chế biến (trừ các Khoáng sản Nhà nước cấm);
- Khoan phụt vữa, xi măng, gia cố chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân đê, than đập công trình thủy lợi, thủy điện;
- Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Chế tạo, lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi và thủy điện; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp; chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
- Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà cao tầng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: kinh doanh và quản lý, máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mô địa chất

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

- và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
  - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng;
  - Thiết kế công trình thủy điện, thủy lợi;
  - Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện;
  - Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện;
  - Môi giới bất động sản;
  - Định giá bất động sản;
  - Sàn giao dịch bất động sản;
  - Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
  - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
  - Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
  - Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).
4. **Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:**
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
6. **Cấu trúc tập đoàn**
- Tổng số các Công ty con: 03
  - + Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 03
  - + Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0
  - Danh sách các Công ty con được hợp nhất
  - + Công ty CP Bất động sản MECO
- Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà nội
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 67,5 %
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 67,5 %
- + Công ty CP khoáng sản MECO
- Địa chỉ: Thôn Đồng Lạt, Xã Trung Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 92,05 %
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 75,0 %- + Công ty CP cơ khí Văn Lâm

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Ngọc Loan, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 51,48 %

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

- Danh sách các Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

+ Công ty CP đầu tư thủy điện An pha

Địa chỉ: Số 6A, Ngõ 52, đường Nguyễn Trãi, Tổ 9 - Phường Quyết Thắng - Thành phố Sơn La - Sơn La

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 46 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 46 %

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

### 1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính 2021 là năm tài chính thứ 16 của Công ty kể từ khi chuyển đổi hình thức sang Công ty cổ phần.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

## III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## IV. Các chính sách kế toán áp dụng

### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh: được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)

- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

---

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

c) Các khoản cho vay: Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết: được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của Công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 Công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### 4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) được lập vào cuối niên độ kế toán.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh to việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	4 - 6

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Riêng chi phí đi vay để đầu tư xây dựng dự án khu nhà ở cao tầng và văn phòng Dự án tại 102 Trường Chinh được vốn hóa vào giá trị công trình.

#### 7. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### 8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Riêng đối với công cụ dụng cụ được phân loại lại do không đủ tiêu chuẩn là Tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 được phân bổ trong thời gian không quá 3 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

#### 9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ trừ các trường hợp chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiền hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp, riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

#### 13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

#### 14. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

### 15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế TNDN sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hoạt động xây lắp: các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Doanh thu kinh doanh bất động sản được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng đã được hai bên ký kết và bàn giao mốc giới.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Thu nhập khác gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

### 17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng đất có hạ tầng được xác định theo dự toán đầu tư.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

Đối với hoạt động xây lắp: giá vốn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không vượt quá tỷ lệ khoán trên doanh thu đã ghi nhận trong kỳ đối với từng công trình. Tỷ lệ khoán được xác định theo từng hợp đồng giao khoán giữa Công ty và Xí nghiệp, Chi nhánh và được áp dụng nhất quán cho các kỳ trong suốt quá trình thi công từng công trình.

### 18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí tài chính khác.

Chi phí tài chính được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói sản phẩm và các chi phí bán hàng khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

### 20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

### 21. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

#### *Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát:*

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của tập đoàn cũng được trình bày riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

#### *Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty con:*

#### *Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:*

Giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty mẹ trong từng công ty con và phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được loại trừ toàn bộ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

---

Số dư các khoản mục phải thu, phải trả, cho vay... giữa các đơn vị trong tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn được loại trừ toàn bộ.

Các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất:** Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

**Các bên liên quan:** Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế		Đơn vị tính: VND					
<b>1- Tiền</b>				<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
- Tiền mặt				1,940,843,271		776,879,459	
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn				5,930,226,169		1,043,483,852	
<b>Cộng</b>				<b>7,871,069,440</b>		<b>1,820,363,311</b>	
<b>2- Các khoản đầu tư tài chính:</b>				<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
		<b>Giá gốc</b>	<b>Giá hợp lý</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá hợp lý</b>	<b>Dự phòng</b>
<b>a) Chứng khoán kinh doanh:</b>		237,860		285,810	710,823,067		724,131,850
- Tổng giá trị cổ phiếu		237,860		285,810	710,823,067		724,131,850
+ <i>Cổ phiếu Ngân hàng Vietinbank</i>					679,836,719		691,241,850
+ <i>Cổ phiếu Công ty cổ phần Licogi 16</i>		237,860		285,810	30,986,348		32,890,000
- Số lượng cổ phiếu					<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>
+ <i>Cổ phiếu Ngân hàng Vietinbank</i>					7		20,007
+ <i>Cổ phiếu Công ty cổ phần Licogi 16</i>							2,200
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>					<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>
<b>b1) Ngắn hạn</b>					2,576,000,000		
- Các khoản đầu tư khác					2,576,000,000		
<b>c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
- <i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>							
+ Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha				188,057,811,723			193,598,318,652
+ Công ty CP XD TL MECO Sài Gòn							3,688,963,897
<b>Cộng</b>				<b>188,057,811,723</b>			<b>197,287,282,549</b>
- <i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>					<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>
		<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá hợp lý</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá hợp lý</b>
+ Công ty CP ĐT và PT các KCN Hà Tĩnh		1,050,000,000	(1,050,000,000)		1,050,000,000	(1,050,000,000)	
+ Công ty CP đầu tư và phát triển điện Meco		2,250,000,000		2,250,000,000	2,250,000,000		2,250,000,000
+ Công ty CP Cơ điện và XD Hoà Bình		2,241,470,000		2,241,470,000	2,241,470,000		2,241,470,000
+ Công ty CP BP Tư vấn và đầu tư XD		1,800,000,000		1,800,000,000	1,800,000,000		1,800,000,000
+ Công ty CP Ván nhân tạo Yên Bái		2,550,000,000	(2,550,000,000)		2,550,000,000	(2,550,000,000)	
<b>Cộng</b>		<b>9,891,470,000</b>	<b>(3,600,000,000)</b>	<b>6,291,470,000</b>	<b>9,891,470,000</b>	<b>(3,600,000,000)</b>	<b>6,291,470,000</b>
<p>Trong kỳ Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp 4.207.240.000 đồng tại Công ty CP xây lắp thủy lợi MECO Sài Gòn cho ông Nguyễn Ngọc Bình với giá bán 4.417.602.000 đồng.</p>							
<b>3- Phải thu của khách hàng</b>				<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn				224,497,454,465		214,404,579,467	
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				47,990,790,367		42,347,845,103	
<b>Công ty CP Đầu tư Thủy điện An Pha</b>							
<i>Phải thu về tiền sản lượng</i>				10,545,165,978		10,545,165,978	
<i>Phải thu về tiền điện nước và thuê mặt bằng</i>				7,958,408		-	
<b>Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO</b>							
<i>Phải thu về tiền sản lượng thi công xây lắp, thanh lý tài sản XDCBDD</i>				925,682,068		925,682,068	
<b>Công ty CP Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam</b>							
<i>Tiền điện nước</i>				-		65,013,144	
<i>Tiền thuê mặt bằng</i>				36,511,983,913		30,811,983,913	
<b>Cộng</b>				<b>272,488,244,832</b>		<b>256,752,424,570</b>	
<b>4- Phải thu khác</b>				<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
		<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

<i>Ngắn hạn</i>	<b>313,257,562,609</b>	<b>(12,465,409,823)</b>	<b>325,823,140,511</b>	<b>(12,465,409,823)</b>
- Tạm ứng	130,311,200,666	(196,467,500)	129,561,077,562	(196,467,500)
- Ký cược, ký quỹ	24,603,366	-	24,603,366	-
- Phải thu khác	182,921,758,577	(12,268,942,323)	196,237,459,583	(12,268,942,323)
<i>Phải thu khác là các bên liên quan</i>	<b>12,883,565,470</b>	<b>-</b>	<b>14,341,933,000</b>	<b>-</b>
Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha	3,132,470	-	-	-
Công ty CP thủy điện Khánh Khê	1,500,000,000	-	1,500,000,000	-
Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Phải thu tạm ứng	11,066,733,000	-	12,778,233,000	-
Ông Trần Hải Anh - Phải thu tạm ứng	40,000,000	-	40,000,000	-
Ông Nguyễn Văn Huyền - Phải thu tạm ứng	273,700,000	-	23,700,000	-
<i>b) Dài hạn</i>	<b>677,234,990</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ	677,234,990	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>326,818,363,069</b>	<b>(12,465,409,823)</b>	<b>340,165,073,511</b>	<b>(12,465,409,823)</b>
<b>5- Tài sản thiếu chờ xử lý</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đầu năm</b>
a) Tài sản khác		<b>Giá trị</b>		<b>Giá trị</b>
Cộng		264,006,062		264,006,062
		264,006,062		264,006,062
<b>6- Nợ xấu</b>		<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu</b>
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay	(130,479,674,622)	-	(130,479,674,622)	-
<b>7- Hàng tồn kho</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>	<b>Dự phòng</b>
		<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
- Hàng mua đang đi trên đường		0	5,072,293,690	
- Nguyên liệu, vật liệu	12,325,057,262	11,087,639,156	11,879,583,868	
- Công cụ, dụng cụ	198,713,726		198,713,726	
- Chi phí SX, KD dở dang	188,481,154,268	65,307,088,048	191,455,877,597	65,307,088,048
- Thành phẩm	790,614,411	222,728,331	790,614,411	222,728,331
- Hàng hóa	2,031,817,685	2,031,817,685	2,031,817,685	
- Hàng gửi bán	4,986,955,675		118,519,295	
<b>Cộng</b>	<b>208,814,313,027</b>	<b>78,649,273,220</b>	<b>211,547,420,272</b>	<b>65,529,816,379</b>
<b>8- Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>			<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Mua sắm			614,138,517	614,138,517
- XDCB			6,488,261,170	6,488,261,170
<i>Dự án khu đô thị MECO - CITY</i>			107,304,540	107,304,540
<i>Dự án mỏ đá Hòa Bình</i>			6,380,956,630	6,380,956,630
<b>Cộng</b>			<b>7,102,399,687</b>	<b>7,102,399,687</b>

**9- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>1,556,508,000</b>	<b>99,634,265,643</b>	<b>12,474,720,776</b>	<b>518,858,840</b>	<b>114,184,353,259</b>
- Mua trong kỳ	-	-	-	36,354,545	36,354,545
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1,796,330,000)	(3,774,651,955)	-	(5,570,981,955)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>1,556,508,000</i>	<i>97,837,935,643</i>	<i>8,700,068,821</i>	<i>555,213,385</i>	<i>108,649,725,849</i>
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1,556,508,000</i>	<i>83,291,382,014</i>	<i>12,474,720,776</i>	<i>518,858,840</i>	<i>97,841,469,630</i>
- Khấu hao trong kỳ	1,400,719,648	1,219,188,906	-	1,009,848	2,620,918,402
- Thanh lý, nhượng bán	-	(249,490,280)	(3,774,651,955)		(4,024,142,235)
- Tăng, giảm khác	(1,400,719,648)	-	-	-	(1,400,719,648)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>1,556,508,000</i>	<i>84,261,080,640</i>	<i>8,700,068,821</i>	<i>519,868,688</i>	<i>95,037,526,149</i>
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	-	16,342,883,629	-	-	16,342,883,629
- Tại ngày cuối kỳ	-	13,576,855,003	-	35,344,697	13,612,199,700

**10- Tăng, giảm bất động sản đầu tư:**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá	132,036,029,974			132,036,029,974
- Nhà	123,892,092,623			123,892,092,623
- Cơ sở hạ tầng	8,143,937,351			8,143,937,351
Giá trị hao mòn lũy kế	25,934,228,340	1,400,719,648		27,334,947,988
- Nhà	19,202,586,444	1,299,029,377		20,501,615,821
- Cơ sở hạ tầng	6,731,641,896	101,690,271		6,833,332,167
Giá trị còn lại	106,101,801,634			104,701,081,986
- Nhà	104,689,506,179			103,390,476,802
- Cơ sở hạ tầng	1,412,295,455			1,310,605,184

**10- Chi phí trả trước**

**a) Ngắn hạn**

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng

Cuối kỳ

Đầu năm

36,456,922

46,535,832

**b) Dài hạn**

- Các khoản khác

1,068,180

Cộng

36,456,922

47,604,012

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

**11- Vay và nợ thuê tài chính**

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	8,192,511,177	8,192,511,177	17,050,000,000	25,597,923,576	16,740,434,753	16,740,434,753
Ông Nguyễn Ngọc Bình	3,800,000,000	3,800,000,000	14,700,000,000	17,200,000,000	6,300,000,000	6,300,000,000
Vay ngắn hạn khác	4,392,511,177	4,392,511,177	2,350,000,000	8,397,923,576	10,440,434,753	10,440,434,753
b) Vay dài hạn	8,645,305,071	8,645,305,071	9,970,000,000	17,050,000,000	15,725,305,071	15,725,305,071
Từ 1 đến 5 năm	8,645,305,071	8,645,305,071	9,970,000,000	17,050,000,000	15,725,305,071	15,725,305,071
Ông Nguyễn Ngọc Bình	8,645,305,071	8,645,305,071	9,970,000,000	17,050,000,000	15,725,305,071	15,725,305,071
<b>Cộng</b>	<b>16,837,816,248</b>	<b>16,837,816,248</b>	<b>27,020,000,000</b>	<b>42,647,923,576</b>	<b>32,465,739,824</b>	<b>32,465,739,824</b>

**12- Phải trả người bán**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	190,165,409,608	190,165,409,608	187,111,538,659	187,111,538,659
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	20,719,921,448	20,719,921,448	23,019,921,448	23,019,921,448
Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO				
Phải trả tiền mua vật tư	6,270,513,396	6,270,513,396	6,270,513,396	6,270,513,396
Công ty CP Thủy điện Khánh Khê				
Phải trả tiền mua vật tư	3,052,995,916	3,052,995,916	3,052,995,916	3,052,995,916
Công ty CP thiết bị phụ tùng cơ điện				
Phải trả tiền mua vật tư	10,770,036,450	10,770,036,450	10,770,036,450	10,770,036,450
Công ty CP xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn				
Phải trả tiền khối lượng thi công	626,375,686	626,375,686	2,926,375,686	2,926,375,686
<b>Cộng</b>	<b>210,885,331,056</b>	<b>210,885,331,056</b>	<b>210,131,460,107</b>	<b>210,131,460,107</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã thực nộp trong	Cuối kỳ
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT	6,603,112,674	1,228,183,088	462,858,948	7,368,436,814
- Thuế TNDN	9,299,766,573	-	8,042,889,675	1,256,876,898
- Thuế TNCN	73,829,229	49,961,600	77,369,645	46,421,184
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	140,953,911	-	-	140,953,911
- Các loại thuế khác	22,540,055,894	745,196,860	399,423,754	22,885,829,000
<b>Cộng</b>	<b>38,657,718,281</b>	<b>2,023,341,548</b>	<b>8,982,542,022</b>	<b>31,698,517,807</b>

**14- Chi phí phải trả**

	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn	77,806,138,038	55,168,407,624
Phải trả các bên liên quan	5,450,222,484	5,450,222,484
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chi phí lãi vay phải trả	5,450,222,484	5,450,222,484
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	72,355,915,554	49,718,185,140
Chi phí lãi vay phải trả		470,130,588
Lãi trái phiếu phải trả	75,242,000	75,242,000
Chi phí công trình	70,660,273,281	47,552,412,279
Chi phí hỗ trợ di dời	1,620,400,273	1,620,400,273
<b>Cộng</b>	<b>77,806,138,038</b>	<b>55,168,407,624</b>

**15- Phải trả khác**

	Cuối kỳ	Đầu năm
--	---------	---------

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	196,195,021	280,502,147
- Bảo hiểm xã hội	993,044,065	856,623,088
- Bảo hiểm thất nghiệp	5,038,864	
- Phải trả về cổ phần hoá	252,180,000	252,180,000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	146,497,797	142,428,797
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	87,848,300	87,848,300
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	106,961,995,640	106,618,734,117
<b>Cộng</b>	<b>108,642,799,687</b>	<b>108,238,316,449</b>
b) Dài hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	215,000,000,000	215,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>215,000,000,000</b>	<b>215,000,000,000</b>
a- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	435,361,857	369,936,547
- Thuế TNDN hoãn lại do Công ty con chưa bán dịch vụ ra ngoài	435,361,857	369,936,547

**17- Vốn chủ sở hữu**

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)	(324,368,609,613)	219,167,896,102	458,250,896,079
- Lãi trong năm trước					652,454,982		652,454,982
- Tăng khác					2,854,784,744	22,244,766,009	25,099,550,753
- Giảm khác					(9,834,432,929)	(233,980,284,333)	(243,814,717,262)
- Lỗ trong năm trước						(169,910,725)	(169,910,725)
Số dư đầu năm nay	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)	(330,695,802,816)	7,262,467,053	240,018,273,827
- Lỗ trong kỳ					(15,583,453,591)	43,294,171	(15,540,159,420)
Số dư cuối kỳ	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)	(346,279,256,407)	7,305,761,224	224,478,114,407

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Vốn góp của các đối tượng khác	575,100,000,000	575,100,000,000
<b>Cộng</b>	<b>575,100,000,000</b>	<b>575,100,000,000</b>
c) Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	575,100,000,000	575,100,000,000
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>	575,100,000,000	575,100,000,000
d) Cổ phiếu	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57,510,000	57,510,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57,510,000	57,510,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	57,510,000	57,510,000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	5,460,000	5,460,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5,460,000	5,460,000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52,050,000	52,050,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	52,050,000	52,050,000
e) Các quỹ của doanh nghiệp	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	28,817,258,755	28,817,258,755

**19- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

a) Ngoại tệ các loại	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Đô la Mỹ (USD)		306.05
Đồng Euro (EUR)		295.38
b) Nợ khó đòi đã xử lý:	184,040,922,406	184,051,396,602

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Q2/2021 Q2/2020

# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	9,233,835,159	8,880,373,992
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	59,341,879,674	6,176,581,818
- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh điện		12,888,040,847
- Doanh thu khác	5,560,134,540	(4,968,570,369)
Cộng	74,135,849,373	22,976,426,288
2- Giá vốn hàng bán		
	Q2/2021	Q2/2020
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	21,896,053,970	8,798,528,866
- Giá vốn hoạt động xây dựng	57,607,002,190	5,838,076,058
- Giá vốn hoạt động sản xuất kinh doanh điện	3,615,514,522	2,696,223,706
- Giá vốn khác		30,354,055
Cộng	83,118,570,682	17,363,182,685
3- Doanh thu hoạt động tài chính		
	Q2/2021	Q2/2020
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	360,128,356	440,863,727
- Lãi bán các khoản đầu tư	518,276,103	
Cộng	878,404,459	440,863,727
4- Chi phí tài chính		
	Q2/2021	Q2/2020
- Lãi tiền vay	247,896,069	3,659,019,970
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	83,489,595	(329,186,141)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	520,548,305	39,125,982
- Chi phí tài chính khác		2,476,243
Cộng	851,933,969	3,371,436,054
5- Thu nhập khác		
	Q2/2021	Q2/2020
- Các khoản khác	77,389,319	61,463,522
Cộng	77,389,319	61,463,522
6- Chi phí khác		
	Q2/2021	Q2/2020
- Các khoản phạt chậm nộp thuế	724,196,860	943,084,426
- Các khoản phạt vi phạm hành chính	200,000,000	
- Các khoản khác	1,245,476,083	23,752,646
Cộng	2,169,672,943	966,837,072
7- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Q2/2021	Q2/2020
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí cho nhân viên	1,625,769,787	1,896,957,946
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	62,384,987	44,262,500
- Chi phí đồ dùng văn phòng	49,643,379	25,142,439
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1,009,848	1,673,280
- Thuế phí và lệ phí	1,451,193	1,295,701
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	243,763,516	266,384,255
- Chi phí bằng tiền khác	87,769,208	17,866,818
Cộng	2,071,791,918	2,253,582,939
8- Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
	Q2/2021	Q2/2020
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2,238,553,674	12,625,816,476
- Chi phí nhân công	2,455,698	774,160,812
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2,583,781,691	(736,323,105)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,855,234,155	616,395,995
- Chi phí khác	21,149,854,051	8,744,421,056
Cộng	32,829,879,269	22,024,471,234
9- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Q2/2021	Q2/2020
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(15,827,355,669)	(476,285,213)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong đó		
+ Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	(15,827,355,669)	(476,285,213)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu	(319,144,799,185)	(325,798,112,450)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	4,896,662,251	1,045,468,426
Phạt vi phạm hành chính	724,196,860	
Các khoản phạt thuế	1,245,476,083	943,084,426
Phần lỗ trong công ty liên kết	2,707,029,308	
Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	219,960,000	102,384,000
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(324,041,461,436)	(326,843,580,876)
Phần lãi trong công ty liên kết		
Thu nhập được miễn thuế của công ty con		(553,080,886)
Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(324,041,461,436)	(326,290,499,990)
Trong đó		
Lỗ lũy kế của công ty mẹ	(324,041,461,436)	
- Tổng thu nhập chịu thuế	(334,972,154,854)	(326,274,397,663)
- Thu nhập chịu thuế của công ty con	35,516,773	540,478
- Thu nhập chịu thuế tại công ty mẹ	(335,007,671,626.89)	(326,274,938,141)
Trong đó:		
Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	(335,007,671,626.888)	(326,274,938,141)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>11- Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>Q2/2021</b>	<b>Q2/2020</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	138,478,138	135,303,032

**VII- Những thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	Kỳ này
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	27,020,000,000
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	42,647,923,576

**VIII. Những thông tin khác****1- Thông tin về các bên liên quan (ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên)****Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:**

	Q2/2021	Q2/2020
Tiền lương	388,687,599	550,087,409
Cộng	388,687,599	550,087,409

**Giao dịch phát sinh trong kỳ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ này
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT	Cho Công ty vay trong kỳ	37,516,200,000
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT	Tiền vay đã trả trong kỳ	38,370,000,000
Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Tổng giám đốc	Hoàn ứng	911,500,000
Ông Nguyễn Văn Huyền - TV HĐQT, Phó tổng giám đốc	Tạm ứng	147,200,000
Ông Nguyễn Văn Huyền - TV HĐQT, Phó tổng giám đốc	Hoàn ứng	10,000,000
Ông Trần Hải Anh - Thành viên HĐQT	Cho Công ty vay trong kỳ	5,000,000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan được trình bày tại các thuyết minh số V.4, V.11, V.14

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

**Bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Khoáng sản MECO	Công ty con
Công ty CP Bất động sản MECO	Công ty con
Công ty CP Cơ khí Văn Lâm	Công ty con
Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha	Công ty liên kết
Công ty CP XD Thủy lợi Meco Sài Gòn	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP thiết bị phụ tùng Cơ điện	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty CP thủy điện Khánh Khê	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP đầu tư và phát triển điện Mecco	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP năng lượng tái tạo Bình Long	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này
<b>Công ty CP Đầu tư thủy điện An pha</b>	
Phải trả tiền vật tư	
Phải thu về tiền điện nước	3,260,780
Chi hộ tiền lương, bảo hiểm	35,570,683
Thu lại tiền lương, bảo hiểm chi hộ	33,530,208
<b>Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn</b>	
Thanh toán khối lượng thi công	500,000,000
<b>Công ty CP Bất động sản MECO</b>	
Phải thu về tiền điện nước	1,645,697
Thanh toán khối lượng thi công Nậm Hóa 1, Bản Mòng, Bình Long	4,895,713,941
Phải thu tiền lương, bảo hiểm, khác	36,929,681
Phải trả về khối lượng thi công Nậm Hóa 1, Bản Mòng, Bình Long	6,551,245,463
Phải thu về cho vay và đã thu tiền vay	7,804,386,000
Phải trả khác	8,580,000,000
Thanh toán phải trả khác	441,000,000
<b>Công ty CP thủy điện Khánh Khê</b>	
Thu tiền nợ bảo hiểm	23,481,257
<b>Công ty CP Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam</b>	
Phải thu tiền điện, nước, thuê mặt bằng	2,814,921,704
Thanh toán tiền điện nước	481,667,433
<b>Công ty CP Cơ khí Văn Lâm</b>	
Phải thu về tiền thuê nhà xưởng	920,307,971
Phải thu về cho vay	1,906,098,790
Phải thu khác	13,241,602
<b>Công ty CP năng lượng tái tạo Bình Long</b>	
Phải thu về khối lượng thi công Công trình Bình Long	52,204,893,408
Thu tiền thi công Công trình Bình Long	37,326,498,787

Tại ngày kết thúc quý, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty CP Đầu tư thủy điện An pha</b>		
Phải thu về tiền điện nước	7,958,408	
Phải thu về tiền khối lượng thi công	10,545,165,978	10,545,165,978
Phải thu về tiền lương chi hộ	3,132,470	
<b>Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện MECO</b>		
Phải thu về khối lượng thi công	715,682,068	715,682,068
Phải thu về thanh lý tài sản XDCBDD	210,000,000	210,000,000
<b>Công ty CP Bất động sản MECO</b>		
Ứng trước tiền thi công dự án, Bản Mòng, Bình Long	287,771,520	133,164,000
Phải thu khác	141,780,800,000	141,780,800,000
<b>Công ty CP quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam</b>		
Phải thu về tiền điện nước		65,013,144
Phải thu về tiền thuê mặt bằng	36,511,983,913	30,811,983,913
<b>Công ty CP thủy điện Khánh Khê</b>		
Phải thu khác	1,500,000,000	1,500,000,000
<b>Công ty CP Cơ khí Văn Lâm</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

Phải thu về tiền thuê nhà xưởng và các khoản khác	19,922,965,023	18,542,503,067
Ứng trước tiền thi công	1,000,000,000	1,000,000,000
Phải thu về tiền cho vay	6,321,803,868	700,663,090
Phải thu khác (bảo hiểm và thép)	95,721,493	69,676,256
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>218,902,984,741</b>	<b>206,074,651,516</b>
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO</b>		
Phải trả tiền vật tư	6,270,513,396	6,270,513,396
Ứng trước tiền thí nghiệm Suối Choang	55,000,000	55,000,000
<b>Công ty CP Bất động sản MECO</b>		
Phải trả tiền thi công dự án 102, Nậm Hóa 1, Bàn Mòng	68,137,972,708	70,918,999,441
Phải trả khác	8,580,000,000	
<b>Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn</b>		
Phải trả các khoản khác	9,900,149	9,900,149
Phải trả tiền thi công	626,375,686	2,926,375,686
Phải trả khác	137,469,755	137,469,755
<b>Công ty CP thủy điện Khánh Khê</b>		
Ứng trước tiền thi công	1,972,261,766	1,972,261,766
Phải trả tiền vật tư	3,052,995,916	3,052,995,916
Phải trả khác	27,044,791	50,526,048
<b>Công ty CP thiết bị phụ tùng cơ điện</b>		
Phải trả tiền vật tư	10,770,036,450	10,770,036,450
<b>Công ty CP quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam</b>		
Ứng trước tiền điện nước, thuê mặt bằng	5,758,200	
Phải trả khác	215,000,000,000	215,000,000,000
<b>Công ty CP năng lượng tái tạo Bình Long</b>		
Ứng trước tiền thi công công trình Bình Long	11,157,437,056	
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>325,802,765,873</b>	<b>311,164,078,607</b>
<b>Công nợ của công ty con, công ty liên kết với các bên liên quan khác tại ngày kết thúc quý có số dư như sau:</b>		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>- Công ty CP cơ khí Văn Lâm</b>		
+ Nhận tiền ứng trước thi công công trình Nậm Hóa của Công ty CP Đầu tư thủy điện An pha	26,187,776,098	26,187,776,098
+ Phải thu của Công ty CP Đầu tư thủy điện An pha thi công công trình Nậm Hóa	3,607,822,504	3,607,822,504
+ Phải trả tiền vay cho ông Nguyễn Ngọc Bình	3,800,000,000	4,800,000,000
+ Ứng trước tiền thi công Bình Long của Công ty CP năng lượng tái tạo Bình Long	645,975,380	
+ Ứng trước tiền phải trả thi công Bàn Mòng cho Công ty CP Bất động sản MECO	101,557,000	
<b>- Công ty CP Bất động sản MECO</b>		
+ Phải trả khác công trình Thành Thái cho Công ty CP xây dựng thủy lợi Mecos Sài Gòn	2,288,216,145	2,288,216,145
+ Phải trả khác cho Công ty CP quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam	142,654,745	142,654,745
+ Phải trả khác cho ông Trần Hải Anh	5,000,000	
+ Phải trả khác cho bà Nguyễn Thị Phương Ngọc	1,014,887,000	1,014,887,000
+ Ứng trước tiền thi công Bàn Mòng của Công ty CP cơ khí Văn Lâm	101,557,000	

# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

#### - Công ty CP Đầu tư thủy điện An pha

+ Phải trả thi công công trình Nậm Hóa 1 cho Công ty CP cơ điện và xây dựng Việt Nam	10,545,165,977	10,545,165,977
+ Ứng trước tiền thi công công trình Nậm Hóa 1 cho Công ty CP cơ khí Văn Lâm	22,589,953,597	22,589,953,597
+ Phải trả mua vật tư công trình Nậm Hóa 1 cho Công ty CP thiết bị phụ tùng cơ điện	16,104,933,820	18,904,933,820
+ Ông Nguyễn Ngọc Bình tạm ứng	14,805,569,932	14,805,569,932
+ Ông Nguyễn Văn Huyền tạm ứng	493,150,000	355,950,000
+ Phải trả tiền vay cho ông Nguyễn Ngọc Bình	31,520,200,000	22,794,000,000

#### 2- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp
- Lĩnh vực Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực Kinh doanh Bất động sản
- Lĩnh vực Kinh doanh dịch vụ khác

#### Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
Kỳ này					
DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	59,341,879,674	9,233,835,159		5,560,134,540	74,135,849,373
<b>Tổng DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>59,341,879,674</b>	<b>9,233,835,159</b>		<b>5,560,134,540</b>	<b>74,135,849,373</b>
Chi phí bộ phận	57,607,002,190	21,896,053,970		5,687,306,440	85,190,362,600
KQKD theo bộ phận	1,734,877,484	(12,662,218,811)		(127,171,900)	(11,054,513,227)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết					(2,707,029,308)
Lợi nhuận từ hoạt động KD					(13,761,542,535)
Doanh thu hoạt động tài chính					878,404,459
Chi phí tài chính					851,933,969
Thu nhập khác					77,389,319
Lợi nhuận sau thuế TNDN					(15,688,877,531)

#### Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	393,252,284,532	295,989,354,757	288,978,170,210	64,018,798	978,283,828,297
<b>Tổng tài sản</b>	<b>393,252,284,532</b>	<b>295,989,354,757</b>	<b>288,978,170,210</b>	<b>64,018,798</b>	<b>978,283,828,297</b>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	630,044,141,159	85,558,195,400	17,324,331,871	20,879,045,460	753,805,713,890
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>630,044,141,159</b>	<b>85,558,195,400</b>	<b>17,324,331,871</b>	<b>20,879,045,460</b>	<b>753,805,713,890</b>
Số đầu năm					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	292,645,113,833	296,012,718,121	288,978,170,210	119,534,641,560	997,170,643,724
<b>Tổng tài sản</b>	<b>292,645,113,833</b>	<b>296,012,718,121</b>	<b>288,978,170,210</b>	<b>119,534,641,560</b>	<b>997,170,643,724</b>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	603,970,398,659	85,558,195,400	17,953,471,871	49,670,303,967	757,152,369,897
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>603,970,398,659</b>	<b>85,558,195,400</b>	<b>17,953,471,871</b>	<b>49,670,303,967</b>	<b>757,152,369,897</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

**3- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)**

*a) Số liệu so sánh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được trình bày lại như sau:*

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>	<u>Ghi chú</u>
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo	123	10,933,041,096	(10,933,041,096)		(i)
Phải thu ngắn hạn khác	136	176,075,751,995	164,089,321,516	340,165,073,511	(iii)
Hàng tồn kho	141	368,384,932,575	(156,837,512,303)	211,547,420,272	(iv)
Tài sản cố định hữu hình	221	122,421,647,766	(106,078,764,137)	16,342,883,629	(v)
- Nguyên giá	222	246,128,233,233	(131,943,879,974)	114,184,353,259	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(123,706,585,467)	25,865,115,837	(97,841,469,630)	
Bất động sản đầu tư	230		106,101,801,634	106,101,801,634	(vi)
- Nguyên giá	231		132,036,029,974	132,036,029,974	
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(25,934,228,340)	(25,934,228,340)	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6,760,173,045	342,226,642	7,102,399,687	(xi)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	195,139,096,668	2,148,185,881	197,287,282,549	(xv)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	(18,011,323,217)	14,411,323,217	(3,600,000,000)	(xii)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	73,052,828	296,883,719	369,936,547	(xiv)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà	313	16,946,459,774	21,711,258,507	38,657,718,281	(vii)
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	58,849,639,507	(3,681,231,883)	55,168,407,624	(xiii)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân	421	(326,206,201,265)	(4,489,601,551)	(330,695,802,816)	
<b>Báo cáo kết quả hoạt động</b>					
Chi phí khác	32	23,752,646	943,084,426	966,837,072	(x)
Tổng lợi nhuận kế toán trước	50	466,799,213	(943,084,426)	(476,285,213)	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(135,303,032)	(135,303,032)	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	466,799,213	(807,781,394)	(340,982,181)	
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>					
Lợi nhuận trước thuế	01	1,017,805,716	(943,084,426)	74,721,290	
Tăng giảm các khoản phải trả	11	11,210,289,328	943,084,426	12,153,373,754	(x)

**b) Các điều chỉnh bao gồm:**

<u>Nội dung</u>	<u>Số tiền</u>
(i) Phân loại lại khoản đầu tư ủy quyền cá nhân gửi tiền có kỳ hạn sang phải thu	(10,933,041,096)
Bổ sung ủy quyền đầu tư cá nhân (10,933,041,096 đồng); ủy quyền đầu tư Dương Nội (46,930,800,213 đồng); giảm phải thu khác Văn Lâm (-2,196,813,289 đồng); Ủy quyền đầu tư Dương Nội bên Công ty CP bất động sản Mecos (108,422,293,496 đồng)	164,089,321,516
(iv) Phân loại lại khoản ủy quyền đầu tư dở dang sang phải thu khác	(156,837,512,303)
(v) Phân loại lại tài sản cố định sang bất động sản đầu tư	(106,078,764,137)
(vi) Phân loại lại tài sản cố định sang bất động sản đầu tư	106,101,801,634
(vii) Bổ sung khoản phải nộp ngân sách nhà nước	21,711,258,507
(x) Bổ sung chi phí chậm nộp thuế đến tháng 06/2020	943,084,426
Điều chỉnh giảm NG TSCĐ hình thành do sửa chữa sang CP chờ phân bổ của an pha (-23,037,497 đồng); lãi công trình Nậm Hóa 1 (365,264,139 đồng) do không còn là công ty con	342,226,642
Điều chỉnh trích lập dự phòng và lỗ đầu năm Công ty CP Đầu tư thủy điện An pha (13,893,047,114 đồng) và lỗ đầu năm Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn (518,276,103 đồng)	14,411,323,217
(xiii) Điều chỉnh giảm chi phí phải trả và phải thu công ty con về việc cho thuê nhà xưởng	(3,681,231,883)
(xiv) Tài sản thuế TNHL tương ứng lãi cho thuê nhà xưởng Văn Lâm trong 2 năm 2019 và 2020	296,883,719

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

(xv) Điều chỉnh lãi (lỗ) đầu kỳ liên doanh, liên kết với Công ty CP Đầu tư thủy điện An pha

2,148,185,881

**4- Những thông tin khác:**

Giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh

Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam xin giải trình biến động kết quả kinh doanh của Công ty trong quý 2 năm 2021:

Doanh thu quý này tăng so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên do phải dự phòng giảm giá hàng tồn kho và dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết lớn dẫn đến lợi nhuận sụt giảm so với cùng kỳ năm trước.

Lý do phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là do thủy điện Nậm Hứa không có nước nên phát điện cho doanh thu thấp không đủ bù chi phí khấu hao và lãi vay ngân hàng.

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KÊ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

